

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15- 01-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Như Cường

Ông Phạm Thanh Châu Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lương Xuân Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 2, Trại giam số 6, phân trại 3, xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị V trình bày: Tôi và anh Nguyễn Đức D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 15/2/2006 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến

năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh D chơi bởi nghiện chất ma túy và không chịu khó làm ăn, tôi đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh D không nghe. Vì vậy năm 2012 anh đã vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Anh D đi trại được 05 năm 06 tháng tù thì ra trại. Sau khi ra trại vợ chồng tôi đi làm thuê ở Hà Nội nhưng anh D không chịu khó làm ăn mà lại phạm tội bị Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và hiện nay anh đang đi chấp hành án tại phân trại 3, trại giam số 6, xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể hàn gắn lại được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn anh D.

* Về con chung: Có 02 cháu: Nguyễn Phương U, sinh ngày 02/2/2007; Nguyễn Tiến M, sinh ngày 25/10/2011. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng tôi. Khi ly hôn tôi nhận nuôi hai con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai anh Nguyễn Đức Đ trình bày: Tôi và chị Lê Thị V kết hôn với nhau ngày tháng cụ thể tôi không nhớ vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu không bị ai ép buộc, không bị lừa dối, có giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn sinh sống tại xã A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Theo tôi tình cảm vợ chồng bình thường, tôi đi tù vợ tôi vẫn thường xuyên thăm hỏi. Tôi đang chấp hành án về tội ma túy, án phạt 18 tháng tù, tôi đã chấp hành được 09 tháng. Tôi đề nghị Tòa án còn 9 tháng tù khi tôi ra trại lại giải quyết việc ly hôn khi đó vẫn chưa muộn. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đang còn. Nguyên vọng vợ chồng trở về đoàn tụ nuôi con. Tôi không nhất trí như yêu cầu của vợ tôi.

Về con chung: Vợ chồng có 02 cháu: Nguyễn Phương U, sinh ngày 02/2/2007; Nguyễn Tiến M, sinh ngày 25/10/2011. Tôi có nguyện vọng đoàn tụ nên không có ý kiến gì về con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị V được ly hôn anh D. Áp dụng điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Nguyễn Phương U và cháu Nguyễn Tiến M cho chị V nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị V và anh Nguyễn Đức D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 15 tháng 02 năm 2006 là hôn nhân hợp pháp. Chị V cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh D chơi bời nghiện chất ma túy và không chịu khó làm ăn, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh D không nghe. Vì vậy anh đã vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” vào năm 2012. Anh D đi trại được 05 năm 06 tháng tù thì ra trại. Sau khi ra trại vợ chồng đi làm thuê ở Hà Nội nhưng anh D không chịu khó làm ăn mà lại phạm tội bị Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và hiện nay anh đang đi chấp hành án. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị V xin ly hôn anh D là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định anh D có sử dụng chất ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” án phạt 07 năm 06 tháng vào năm 2012. Sau đó lại tiếp tục phạm tội về ma túy và hiện nay đang chấp hành án. Chị V cho rằng anh D không tu chí làm ăn, nghiện chất ma túy từ đó dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm gì nữa nên đã quyết định đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị V được ly hôn anh D là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu: Nguyễn Phương U, sinh ngày 02/2/2007; Nguyễn Tiến M, sinh ngày 25/10/2011. Khi ly hôn chị V nhận nuôi hai con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định, đầy đủ và theo nguyện vọng của các cháu. Do vậy cần giao hai cháu U và M cho chị V nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227;271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị V được ly hôn anh Nguyễn Đức D.

2. Về con chung: Có 02 cháu: Nguyễn Phương U, sinh ngày 02/2/2007; Nguyễn Tiến M, sinh ngày 25/10/2011.

Xử giao hai cháu Nguyễn Phương U và cháu Nguyễn Tiến M cho chị Lê Thị V trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Nguyễn Đức D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị V phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0003728 ngày 07/8/2020 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị V được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã A.
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng